

Số: 291/2022/QĐST-HNGĐ

Quận N, ngày 03 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thanh M, sinh năm 1973

Thường trú: 614/2 Đường P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: C5/7C1 Ấp 3, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1968

Thường trú: 614/2 Đường P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 595/9 Đường P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thanh M và ông Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Thanh M và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 (hai) con chung tên: Trần Tấn Đ (nam), sinh ngày 12/12/1998 và Trần Tấn L, sinh ngày 04/7/1997: Đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà Trương Thanh M và ông Trần Văn T tự khai đôi bên không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Bà Trương Thanh M và ông Trần Văn T tự khai đôi bên không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng, bà Trương Thanh M tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010013 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M được nhận lại số tiền 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận N, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận N;
- UBND Phường B, Quận N, TP.HCM
(GCNKH số 15/2000 ngày 10/3/2000);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Huế